

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH VÂN

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. LÂM MINH CHÂU**

Phản biện 1: **TS. ĐÀO HỮU HÒA**

Phản biện 2: **PGS. TS. NGUYỄN THẾ TRÂM**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 08 tháng 06 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng trong tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế luôn được sự quan tâm của Đảng và nhà nước ta. Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ : “tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể, khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, liên hiệp HTX cổ phần”. Nghị quyết lần thứ năm ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) ngày 18/3/2002 cũng đã xác định: “kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, trong đó HTX là nòng cốt”, và “ kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”. Thể chế hóa Nghị quyết Trung ương, thành ủy và UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản định hướng cho sự phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố như : Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ban thường vụ thành ủy Đà Nẵng về phương hướng củng cố, phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2007-2015; Quyết định 7303/QĐ-UBND ngày 09/9/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 30/10/2007 của Ban thường vụ thành ủy Đà Nẵng về phương hướng củng cố, phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2007-2015; Quyết định số 4478/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm, giai đoạn 2006-2010; Quyết định số 3282/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 5 năm 2007 về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung đề án 38/BC-UB về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể thành phố Đà Nẵng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết. Sở đã tham mưu đề xuất kịp thời với Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế chính sách, các biện pháp để khuyến khích phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp. Tuy nhiên hiện nay, kinh tế tập thể mà nòng cốt là các HTX nông nghiệp (HTX NN) trên địa bàn Đà Nẵng còn nhiều yếu kém, bất cập, năng lực hạn chế, môi trường hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh dần bị thu hẹp, doanh thu thấp...Kinh tế HTX chiếm tỷ lệ thấp trong tổng sản phẩm xã hội, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, những nơi chưa có HTX nông nghiệp, chính quyền thôn phải quản lý điều hành cả dịch vụ nông nghiệp, bởi tính đặc thù trong nông nghiệp mà các thành phần kinh tế khác chưa làm được và nếu có làm thì cũng sẽ không có hiệu quả. Những hạn chế, yếu kém đó tồn tại do ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan đã tác động tới sự phát triển của các HTX. Với mong muốn đưa ra một số giải pháp để khắc phục những hạn chế, yếu kém nói trên, góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX nông nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng, cụ thể là các HTX nông nghiệp ở huyện Hòa Vang, tôi đã chọn đề tài ***“Phát triển Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng”*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hoá các vấn đề lý luận về phát triển kinh tế HTX nói chung và HTX nông nghiệp nói riêng.

- Đánh giá thực trạng phát triển các HTX NN trên địa bàn huyện Hòa Vang thời kỳ 2006 – 2010.

- Đề xuất các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển các HTX nông nghiệp trên địa bàn phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Hòa Vang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu : Vấn đề phát triển các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Phạm vi nghiên cứu : Nghiên cứu sự phát triển của các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ 2006 - 2010 và dự báo sự phát triển đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu :

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu :

- Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả thực trạng phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang.

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp trong việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển HTX nông nghiệp.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực chứng nhằm tìm hiểu sự vận hành của hệ thống các HTX NN trên địa bàn huyện; Sử dụng phương pháp nghiên cứu chuẩn tắc nhằm phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX NN trên địa bàn huyện Hòa Vang.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài :

- Làm rõ sự cần thiết phát triển hợp tác xã nông nghiệp với tư cách là hình thức có hiệu quả của kinh tế tập thể trong nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phân tích thực trạng phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010, đánh giá những thành công và hạn chế trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cùng các nguyên nhân của những hạn chế.

- Đề xuất những phương hướng và giải pháp phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, nhằm tiếp tục phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong nông nghiệp

- Là tài liệu tham khảo cho các cấp lãnh đạo và cơ quan quản lý kinh tế tại địa phương về phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

- Đây là lần đầu tiên một nghiên cứu phát triển HTX nông nghiệp toàn diện được áp dụng ở huyện .

6. Kết cấu của luận văn : Ngoài lời mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương như sau:

Chương I : Tổng quan về lý luận phát triển HTX nông nghiệp

Chương II : Thực trạng phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006 - 2010.

Chương III : Giải pháp phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ LÝ LUẬN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề lý luận về hợp tác xã nông nghiệp

1.1.1. Khái niệm về Hợp tác xã Nông nghiệp :

Hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) là tổ chức kinh tế tự chủ do nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình các xã viên và kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các ngành-nghề khác; cải thiện đời sống xã viên; góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

1.1.2. Đặc trưng của hợp tác xã nông nghiệp

- Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức liên kết kinh tế tự nguyện của những nông hộ, nông trại có chung yêu cầu
- Mục đích kinh doanh của hợp tác xã là nhằm trước hết cung cấp dịch vụ cho xã viên.
- Hợp tác xã là một tổ chức liên kết kinh tế chỉ liên kết những xã viên thực sự có nhu cầu, có mong .
- Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, HTX NN ra đời là vì kinh tế nông hộ, chứ không phải để thay thế kinh tế nông hộ.

1.1.3. Các loại hình của hợp tác xã nông nghiệp

- HTX dịch vụ:

HTX dịch vụ từng khâu

HTX dịch vụ tổng hợp đa chức năng

Hợp tác xã dịch vụ “ đơn mục đích” hay hợp tác xã dịch vụ “chuyên ngành”.

- Hợp tác xã sản xuất kết hợp dịch vụ :
 - Hợp tác xã sản xuất-kinh doanh ở mức độ hợp tác toàn diện
- Theo cách phân loại nêu trên, có thể chia HTX NN thành 3

loại hình:

HTXNN làm dịch vụ :

HTX sản xuất kết hợp với dịch vụ :

HTX sản xuất nông nghiệp thuần túy :

1.1.4. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX NN

1.2.1. Yếu tố pháp lý

1.2.2. Yếu tố kinh tế

1.2.3. Yếu tố Khoa học-Công nghệ

1.2.4. Yếu tố năng lực nội tại của HTXNN

1.3. Nội dung của phát triển hợp tác xã nông nghiệp

1.3.1. Gia tăng quy mô vốn kinh doanh của HTX NN

1.3.1.1. Khái niệm :

Vốn kinh doanh của HTX được thể hiện bằng tiền toàn bộ tài sản của đơn vị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.

1.3.1.2. Nội dung :

Vốn kinh doanh có tầm ảnh hưởng đặc biệt đối với các đơn vị. Theo Luật HTX năm 2003 quy định về vốn của HTX như sau :

- *Vốn góp tối thiểu*
- *Vốn điều lệ*
- *Vốn góp của xã viên*
- *Huy động vốn :*
- *Vốn hoạt động của hợp tác xã :*

1.3.2. Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ nông nghiệp của HTX

1.3.2.1. Khái niệm :

Hoạt động dịch vụ được hiểu là những thứ tương tự như hàng hóa nhưng là phi vật chất. Có những sản phẩm thiên về sản phẩm hữu hình và những sản phẩm thiên hẳn về sản phẩm dịch vụ.

1.3.2.2. Nội dung

Trong sản xuất kinh doanh tại các HTX NN, dịch vụ bao gồm các hoạt động chủ yếu sau: cung ứng khoa học-kỹ thuật, vật tư hàng hóa, thông tin thị trường...nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SX-KD của các thành viên.

1.3.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý HTX

1.3.3.1. Khái niệm

Hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý HTX là hoạt động của những thành viên thuộc Ban quản trị, Ban kiểm soát và kế toán HTX, họ là chủ thể của quá trình sản xuất, có tính quyết định đến hiệu quả tổ chức sản xuất kinh doanh của mỗi HTX.

1.3.3.2. Nội dung

Đội ngũ cán bộ là yếu tố không thể thiếu và góp phần không nhỏ quyết định thành công hay thất bại kinh doanh của HTX.

Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX rất quan trọng đối với mỗi HTX.

1.3.4. Mở rộng liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác

1.3.4.1. Khái niệm

Mở rộng liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác là hoạt động mở rộng quan hệ kinh doanh giữa HTX NN với các đơn vị kinh tế khác trong hệ thống nền kinh tế như : DNNN, DNTN ...

1.3.4.2. Nội dung

HTX là một tổ chức kinh tế tập thể gồm nhiều chủ sở hữu, hoạt động lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm cả lợi ích thành viên và lợi ích tập thể

Các chỉ tiêu chủ yếu được sử dụng để đánh giá hiệu quả của việc mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết gồm :

- *Doanh thu* :

+ *Doanh thu từ hoạt động liên doanh, liên kết* :

+ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ* :

- *Chi phí bao gồm* : Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

- *Lợi nhuận* :

1.4. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX NN

* Các chỉ tiêu về vốn

Quy mô vốn :

Hiệu quả sử dụng vốn : $\text{Tổng lợi nhuận thu được} / \text{Tổng vốn}$.

* Các chỉ tiêu về kết quả SXKD

* Các chỉ tiêu về dịch vụ

* Các chỉ tiêu về tiền lương

* Các chỉ tiêu về hiệu quả xã hội

1.5. Một số kinh nghiệm phát triển HTX NN các nước

1.5.1. Kinh nghiệm phát triển HTX NN của Nhật Bản

1.5.1.1. *Xây dựng luật HTX tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của HTX* :

1.5.1.2. *Mở rộng hình thức HTX đa chức năng* :

1.5.2. Kinh nghiệm phát triển HTX NN ở Hàn Quốc

1.5.2.1. *Thiết lập mô hình Liên đoàn quốc gia các HTX NN* :

1.5.2.2. *Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX NN đa năng*

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2006-2010

2.1. Đặc điểm tự nhiên, KT-XH của huyện Hòa Vang ảnh hưởng đến phát triển HTX NN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

2.1.1.2. Địa hình, đất đai

2.1.1.3. Tài nguyên nước

2.1.1.4. Khí hậu, thời tiết

2.1.1.5. Tài nguyên khoáng sản

2.1.1.6. Tài nguyên rừng

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

2.1.2.2. Cơ cấu kinh tế

2.1.2.3. Dân số và lao động

2.1.2.4. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp

2.2. Thực trạng phát triển HTX NN trên địa bàn huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010

2.2.1. Quy mô vốn của các hợp tác xã nông nghiệp

Vốn đầu tư là nhu cầu cấp thiết cho hoạt động của các HTXNN cũng như kinh tế nông hộ và trang trại gia đình trên địa bàn huyện Hòa Vang. HTX có hai nguồn vốn cung cấp đó là: vốn từ nội bộ HTX và nguồn vốn từ bên ngoài. Từ thực tế ở Hòa Vang cho thấy, nguồn vốn từ nội bộ HTX rất ít. Trong khi đó, toàn bộ hệ thống có liên quan đến nhiệm vụ cấp tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn (từ Trung ương đến cơ sở) bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách-Xã hội, Quỹ cho vay giải quyết việc làm, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... trong đó, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn là chủ yếu. Tuy nhiên, cho đến nay hầu như các HTXNN đều chưa được vay vốn trực tiếp của ngân hàng quốc doanh. Các nguồn vốn khác từ các đoàn thể, các quỹ hỗ trợ,... thì bị phân tán, đi thẳng theo các chương trình dự án đến hộ nông dân, trang trại gia đình, ít liên quan đến vốn HTXNN.

Do vậy, kể cả hai nguồn vốn từ bên ngoài và bên trong đều chưa đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho HTX hoạt động. Tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng ở hầu hết các tổ chức kinh tế HTXNN, là một khó khăn lớn cản trở các tổ chức kinh tế này phát huy tác dụng.

Năm 2006, tổng nguồn vốn kinh doanh của 13 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện là 12,279 tỷ đồng, trong đó riêng nguồn vốn kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp Hoà Nhơn 3 hơn 4,2 tỷ đồng và nguồn vốn kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp Hoà Châu 1 hơn 1,6 tỷ đồng đã chiếm gần 50% tổng nguồn vốn kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2007-2008 đã tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất-kinh doanh của các HTX NN trên địa bàn huyện. Tổng nguồn vốn kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện năm 2007 đạt 12,252 tỷ đồng, giảm 27,4 triệu đồng so với năm 2006.

Bảng 2.5 : Quy mô nguồn vốn của các HTX Nông nghiệp giai đoạn 2006-2010

ĐVT : Triệu đồng

Stt	Năm	Tổng số			Vốn góp xã viên			Vốn tích lũy			Vốn LD+Khác		
		Đầu năm	Cuối năm	Tăng giảm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng giảm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng giảm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng giảm
1	2006	12279.6	12252.2	-27.4	4022.7	4022.7	0.0	8238.8	8187.7	-51.1	18.1	41.8	23.7
2	2007	12252.2	12018.5	-233.7	4022.7	3161.9	-860.8	8187.7	8806.7	619	41.8	49.9	8.1
3	2008	12018.5	11851.6	-166.9	3161.9	3505.5	343.6	8806.7	8296.2	-510.5	49.9	49.9	0.0
4	2009	11851.6	11789.8	-61.8	3505.5	3104.8	-400.7	8296.2	8650.7	354.5	49.9	34.3	-15.6
5	2010	11789.8	9002.4	-2787.4	3104.8	3261.3	156.5	8650.7	5719.8	-2930.9	34.3	21.3	-13.0
Tổng số		60191.7	56914.5	-3277.2	17817.6	17056.2	-761.4	42180.1	39661.1	-2519	194	197.2	3.2

Nguồn : Phòng Nông nghiệp và PTT huyện Hòa Vang

Trong năm 2008, HTX NN Hoà Châu 1 đã mạnh dạn thực hiện việc chi trả cổ phần cho xã viên để củng cố lại hợp tác xã và tìm hướng đi mới cho mô hình kinh tế hợp tác xã. Việc chi trả cổ phần cho xã viên đã làm cho nguồn vốn sản xuất kinh doanh của hợp tác xã Hoà Châu 1 giảm đi hơn 1/2 so với năm 2007, góp phần làm giảm tổng nguồn vốn của các HTX NN trên địa bàn huyện chỉ còn hơn 12 tỷ đồng.

Trong năm 2009 và đầu năm 2010, tổng nguồn vốn của các HTX NN ít có sự biến động và dao động trong khoảng 11,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010, một số HTX NN tiếp tục thực hiện việc chi trả cổ phần cho xã viên HTX, đồng thời một số HTX NN khác tổ chức rà soát lại công nợ và xây dựng phương án xử lý các khoản nợ khó đòi, chi trả tiền cổ phần đối với các xã viên đã mất hoặc đi xa, đã làm cho nguồn vốn của các HTX NN trên địa bàn huyện chỉ còn hơn 9 tỷ đồng (giảm gần 3 tỷ đồng).

2.2.2. Chất lượng hoạt động dịch vụ nông nghiệp của HTX

Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh tế hộ ngày càng phong phú đa dạng, hiện nay 13 HTXNN đang đảm nhận gần 12 khâu dịch vụ các loại như tưới tiêu và thủy lợi nội đồng, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư và phân bón, làm đất, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp giống và các loại hình dịch vụ khác.

Bảng 2.6 : Các hoạt động dịch vụ của HTX Nông nghiệp
trên địa bàn huyện Hòa Vang

Stt	Dịch vụ	Số HTX thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Điện	0	0	
2	Thuỷ lợi	5	38.5	
3	Làm đất	6	46.2	
4	Giống	2	15.4	
5	Vật tư	3	23.1	
6	Tiêu thụ SP	2	15.4	
7	Tài chính	2	15.4	
8	Thuỷ nông	9	69.2	
9	BVTV	1	7.7	
10	Lò mổ	3	23.1	
11	Ngành nghề NLTS	4	30.8	
12	Dịch vụ khác	13	100	

Nguồn: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hoà Vang

Các HTXNN hiện nay chủ yếu tập trung vào các dịch vụ cung ứng đầu vào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình : 38,5% HTX NN cung cấp dịch vụ thủy lợi nội đồng; 46,2% HTX NN dịch vụ làm đất, 15,4% HTX dịch vụ giống, 7,7% HTX cung cấp dịch vụ bảo vệ thực vật; 23,1% cung ứng vật tư và phân bón; 23,1% HTX tổ chức dịch vụ giết mổ gia súc; 30,8% HTX NN tổ chức dịch vụ ngành nghề... Các dịch vụ đầu ra cho sản xuất còn rất hạn chế: chỉ có 30,8% số HTXNN đang cung cấp dịch vụ ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản; 15,4 % cung cấp dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.... Điều này ảnh hưởng lớn đến doanh thu và hiệu quả hoạt động của HTX (theo bảng 2.6). Mức độ dịch vụ của các loại hình HTX cũng có sự chênh lệch khá rõ: những HTX thuộc loại trung bình và yếu thường ít thực hiện các dịch vụ như: cung ứng vật tư; tiêu thụ, chế biến nông sản; dịch vụ giống; giết mổ gia súc,....

2.2.3. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý HTX

Theo thống kê tại thời điểm tháng 6 năm 2011 (**theo bảng 2.7**) số cán bộ đang làm việc cho 13 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Hoà Vang là 119 người. Trong đó, các chức danh cán bộ đang làm việc trực tiếp tại trụ sở hợp tác xã là 68 người, gồm: 13 chủ nhiệm, 13 phó chủ nhiệm, 13 kiểm soát, 13 kế toán trưởng, 4 kế toán viên và 12 thủ kho, quỹ. Nhìn chung đội ngũ cán bộ hợp tác xã có độ tuổi trung bình khá cao, từ 40-60 tuổi là 56 người (chiếm 82,3%), còn lại 12 cán bộ dưới 40 tuổi (chiếm 17,7 %). Trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã chưa cao. Trong tổng số 64 cán bộ quản lý hợp tác xã thì có 46 người tốt nghiệp trung học phổ thông (chiếm 67,7%), còn lại 22 cán bộ hợp tác xã chỉ mới tốt nghiệp trung học cơ sở (chiếm 32,3%).

Bảng 2.7 : Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ HTX Nông nghiệp

Stt	Chức danh	Tổng số người)	Trình độ học vấn						Trình độ chuyên môn									
			THPT		THCS		Tiểu học		ĐH, CĐ		Trung cấp		Sơ cấp		Chưa qua đào tạo			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chủ nhiệm	13	11	84,7	2	15,3	0	0	0	0	0	0	4	30,8	6	46,2	3	23
2	P CN	13	5	38,5	8	61,5	0	0	0	0	0	0	3	23	5	38,5	5	38,5
3	BKS	13	7	53,8	6	46,2	0	0	0	0	1	7,7	4	30,8	1	7,7	7	53,8
4	Kế toán	17	14	82,3	3	17,7	0	0	0	0	3	17,7	8	47,0	5	29,4	1	5,9
5	Thủ kho	12	9	75	3	25	0	0	0	0	0	0	1	8,3	5	41,7	6	50
Tổng số		68	46	67,7	22	32,3	0	0	4	6	20	29,4	22	32,3	22	32,3	22	32,3

(Nguồn : Phòng Nông nghiệp và P.TNT huyện)

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ hợp tác xã có thể nói là rất thấp, chỉ có 4 người tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng (chiếm 6,0%), 20 người có trình độ trung cấp các loại (chiếm 29,4%), 22 người đã qua đào tạo các lớp sơ cấp và 22 người còn lại chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

2.2.4. Kết quả liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác

Tình hình liên doanh, liên kết trong 5 năm (2006-2010) của 13 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện (theo bảng 2.8) dù gặp nhiều điều kiện khó khăn, bất lợi về vốn, đất đai và các dịch vụ ngày càng giảm. Song được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành và sự nỗ lực vượt lên khó khăn của đội ngũ cán bộ quản lý, các HTX NN đã chủ động vươn ra, mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác : Công ty giống cây trồng Quảng Nam; HTX Năm An Hải Đông; Trung tâm Công nghệ sinh học; Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đà Nẵng... đã góp phần nâng cao doanh thu của các HTX NN trên địa bàn huyện.

Bảng 2.8 : Kết quả hoạt động liên doanh, liên kết của 13 HTX NN (giai đoạn 2006-2010)

Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
Tổng giá trị LDLK (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)	Tổng giá trị LDLK (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)	Tổng giá trị LDLK (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)	Tổng giá trị LDLK (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)	Tổng giá trị LDLK (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)
14360.8	3.6	13262.3	-7.6	11914.6	-10.2	8215.1	-31.1	8670.4	5.5
13468.9	1.9	12248.8	-9.1	11180.8	-8.7	7717.4	-31.0	8139.0	5.5
891.9	39.5	1013.5	13.6	733.8	-27.6	497.7	-32.2	531.4	6.8

(Nguồn : Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện)

Năm 2006, tổng doanh thu từ các hoạt động liên doanh, liên kết của 13 HTX NN đạt hơn 14,361 tỷ đồng tăng hơn so với năm 2005 là 1,864 tỷ đồng.

Tổng doanh thu từ hoạt động liên doanh, liên kết năm 2007 đạt 13,262 tỷ đồng, giảm hơn 1 tỷ đồng so với năm 2006, nguồn thu giảm chủ yếu là do dịch vụ điện của các Hợp tác xã ngày càng bị thu hẹp (chuyển dịch vụ điện về cho thành phố quản lý), trong khi đây hầu như là nguồn thu chính của các HTX.

Doanh thu dịch vụ điện giảm gần 4 tỷ đồng đã làm suy giảm đáng kể tổng doanh thu từ các hoạt động liên doanh liên kết năm 2008 của 13 hợp tác xã nông nghiệp. Năm 2008, tổng doanh thu của các hợp tác xã đạt 11,915 tỷ đồng (giảm 1,347 tỷ đồng so với năm 2007), trong đó doanh thu làm dịch vụ giống tăng đột biến (tăng gần 2 tỷ so với năm 2007) và đạt doanh thu cao nhất trong số các hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX NN, với hơn 5 tỷ đồng.

Doanh thu từ hoạt động liên doanh, liên kết của các HTX NN trên địa bàn huyện 2 năm 2009-2010 nằm trong khoảng hơn 8 tỷ đồng (tiếp tục giảm so với năm 2008 khoảng gần 400 triệu đồng), điều này chứng tỏ sự khó khăn trong việc tổ chức dịch vụ sản xuất kinh doanh của HTX NN ngày càng biểu hiện rõ. Đặc biệt, kể từ năm 2009 tất cả các HTX NN trên địa bàn huyện không còn dịch vụ điện cho hộ xã viên, điều này đã gây thất thu lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

2.3. Đánh giá thực trạng phát triển HTX NN của huyện Hòa Vang

2.3.1. Những kết quả đạt được

2.3.2. Những hạn chế

2.3.3. Nguyên nhân

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀ VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2015 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

3.1. Những căn cứ đề xuất giải pháp

3.1.1. Mục tiêu, phương hướng phát triển HTX NN ở huyện Hoà Vang đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

3.1.1.1. Mục tiêu

* Mục tiêu chung đến năm 2020

* Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

3.1.1.2. Phương hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng

* Phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hợp tác ngày càng chặt chẽ với nhau và với các chủ thể, tổ chức kinh tế khác

* Tăng cường củng cố các HTX NN hiện có, lựa chọn mô hình HTX NN phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa bàn

* Phát triển HTX NN theo hướng xây dựng nông thôn mới

3.1.2. Quan điểm phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng

3.1.2.1. Kinh tế tập thể có nhiều hình thức đa dạng, trong đó HTX NN là nòng cốt

3.1.2.2. Phát triển kinh tế tập thể, mà nòng cốt là HTX NN, phải hướng vào mục tiêu, nhiệm vụ của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

3.1.2.3. Phát triển HTX NN phải dựa trên nền tảng kinh tế hộ nông dân, phát huy hơn nữa vai trò tự chủ, tiềm năng to lớn và vị trí quan trọng, lâu dài của kinh tế hộ nông dân

3.1.2.4. *Hoạt động HTX NN phải theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*

3.1.2.5 *Phát triển HTX NN huyện Hoà Vang phải phù hợp với các điều kiện tự nhiên và KT-XH của từng vùng trên địa bàn*

3.1.3. Định hướng phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2020

3.1.3.1. *Mục tiêu :*

3.1.3.2. *Định hướng*

3.2. Các giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng

3.2.1. Gia tăng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

3.2.1.1. *Đa dạng hóa các nguồn vốn cho HTX NN vay:*

Nhà nước chỉ đạo cho các ngân hàng thương mại quốc doanh tạo điều kiện thuận lợi cho HTXNN sau chuyển đổi và HTXNN mới thành lập được vay vốn bình đẳng như các loại hình doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Trước hết, để giúp đỡ đối với những HTX NN mới, điển hình đang hoạt động có hiệu quả kinh tế cao.

3.2.1.2. *Thành lập Quỹ hỗ trợ HTX :*

Thành lập quỹ hỗ trợ HTX là cần thiết cho việc đổi mới, nâng cao hiệu quả SX-KD. Quỹ hỗ trợ phát triển HTX sẽ tập trung hỗ trợ cho các hoạt động như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX, dạy nghề cho người lao động,...

3.2.1.3. *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn :*

HTX cần tích cực đẩy mạnh việc thu nợ đọng để thu hồi vốn phục vụ nhu cầu SX-KD, dịch vụ và thực hiện tốt nguyên tắc quản lý dân chủ và bình đẳng, thực hiện công bằng trong HTX.

3.2.2. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp

3.2.2.1. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nông nghiệp :

Vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã còn yếu kém đang là một trong những khó khăn lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến việc đa dạng hoá các loại hình hoạt động dịch vụ của HTX NN. Do đó, triển vọng lớn nhất cũng là yêu cầu cấp bách nhất đang đặt ra cho HTX NN hiện nay là phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và phát triển ngành nghề, kể cả ngành nghề không gắn với sản xuất nông nghiệp

3.2.2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ NN :

- Tăng cường hơn nữa đầu tư cho các công trình thủy lợi. Nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn tại các xã vùng trung du và miền núi để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ cho hộ xã viên trên địa bàn huyện được đồng bộ.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các HTX tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng KH-CN phù hợp với quy mô và năng lực của HTX.

- Triển khai các hoạt động tư vấn pháp lý, tư vấn lập dự án kinh tế, hướng dẫn HTX xây dựng các phương án SX-KD.

- Khuyến khích nông hộ tự bỏ vốn và sức lao động để cải tạo đồng ruộng, xây dựng hệ thống kênh mương và giao thông nông thôn, tạo điều kiện đẩy mạnh cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp.

3.2.3. Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ HTX

3.2.3.1. Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ HTX :

Từ thực tiễn hoạt động của kinh tế HTX NN trên địa bàn huyện Hoà Vang trong các năm qua đã kết luận một điều là những HTX NN hoạt động có hiệu quả thì đều có đội ngũ cán bộ quản lý có

trình độ và năng lực điều hành. Tuy nhiên, trình độ cán bộ quản lý HTX NN trên địa bàn huyện Hòa Vang còn nhiều bất cập; bộ máy quản lý hợp tác xã đã được tinh giảm gọn nhẹ, nhưng nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý hầu hết hoạt động theo kinh nghiệm thực tế, không được đào tạo cơ bản, ít được bồi dưỡng tập huấn. Vì vậy, giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác cán bộ quản lý HTX NN trong giai đoạn đến cần phải thực hiện một số nội dung sau :

- Xây dựng quy hoạch cán bộ, lấy đó làm cơ sở thực hiện công tác đào tạo cán bộ HTXNN trong những năm tới

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho HTX là một hướng đầu tư hỗ trợ cần thiết và có hiệu quả của Nhà nước cho HTX.

- Cần xác định rõ và tài trợ kịp thời kinh phí cho công tác đào tạo cán bộ cho các HTXNN.

3.2.3.2. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng về phục vụ cho HTX NN :

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng cán bộ HTX

- Động viên sinh viên mới ra trường, cán bộ trẻ về làm việc tại HTX NN và được hưởng ưu đãi như theo cơ chế thu hút nguồn nhân lực của thành phố

3.2.3.3. Phân định rõ chức năng quản lý và điều hành HTX :

Trong việc sắp xếp các chức danh quản lý của HTXNN, cần phân định rõ chức năng quản lý và chức năng điều hành HTX. Trên cơ sở phân định rõ chức năng quản lý và chức năng điều hành, các HTXNN cần mạnh dạn thực hiện việc thuê chủ nhiệm HTX

3.2.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động liên doanh, liên kết

Hoạt động liên doanh, liên kết của HTX NN là nhân tố quan trọng, góp phần nâng cao doanh thu của HTX NN, quyết định đến sự

tồn tại của HTX NN. Tuy nhiên, đa số các HTX NN gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát triển, mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết trong SXKD của HTX, do phải cạnh tranh quyết liệt với các doanh nghiệp tư nhân và các loại hình kinh tế khác.

3.2.4.1. Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất phù hợp :

3.2.4.2. Nắm bắt cơ hội mới kịp thời nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất-kinh doanh :

3.2.5. Một số giải pháp khác

3.2.5.1. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền HTX NN

3.2.5.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước

3.2.5.3. Xây dựng cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa tổ chức

Đảng, chính quyền và HTX NN trên từng địa bàn

3.3. Một số kiến nghị :

3.3.1. Đối với Trung ương

3.3.2. Đối với thành phố Đà Nẵng :

KẾT LUẬN

Nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa và thực hiện đường lối của Đảng về phát triển KTTT, để kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế đất nước, đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phát triển HTX cả về số lượng, chất lượng, đồng thời đa dạng hóa các mô hình tổ chức và hoạt động của HTX.

HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, thành lập và hoạt động theo Luật HTX, là tổ chức kinh tế do những người nông dân tự nguyện thành lập, nhằm mục đích trợ giúp các hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ thông qua việc cung cấp các dịch vụ giá rẻ, do lợi thế về quy mô và chuyên môn hóa hoạt động. HTXNN ra đời dựa trên nền tảng kinh tế hộ nông dân.

Là một bộ phận của kinh tế HTX, HTXNN vừa mang những đặc trưng và ưu thế của mô hình HTX nói chung, vừa chịu sự chi phối của các đặc điểm riêng trong lĩnh vực nông nghiệp; do đó, có sự khác nhau nhất định giữa HTXNN với HTX hoạt động ở các lĩnh vực kinh tế khác về nhân tố tác động, đặc điểm tổ chức hoạt động, xu hướng vận động và vai trò giúp đỡ của nhà nước. Đó là căn cứ lý luận cơ bản để xác định các phương hướng và giải pháp phát triển, hoàn thiện các HTXNN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Hòa Vang là huyện nông nghiệp, SXNN còn nhỏ lẻ, manh mún, mang nặng tính tự cung, tự cấp, đang trong quá trình chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại; do vậy, đòi hỏi phải thúc đẩy phát triển HTXNN để trở thành "bà đỡ" cho kinh tế nông hộ và trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

Sau chuyển đổi và phát triển theo Luật HTX 2003, HTXNN ở Hòa Vang đã được chuyển đổi về cơ bản và có bước phát triển nhất định cả về số lượng và chất lượng. Tuy vậy, quá trình phát triển HTXNN trên địa bàn huyện trong thời gian qua còn chậm, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển sức sản xuất; một bộ phận HTXNN chuyển đổi còn mang tính hình thức, chưa có sự chuyển biến nhiều về nội dung hoạt động; nội lực của HTX còn yếu, hiệu quả SX-KD, dịch vụ thấp, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của hộ xã viên và đòi hỏi của thị trường. Thực trạng yếu kém trên có nguyên nhân từ trình độ thấp của lực lượng sản xuất, nhưng phần quan trọng hơn là do những thiếu sót, khuyết điểm của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ Trung ương đến địa phương về công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện; sự thiếu đồng bộ, thiếu kịp thời về cơ chế, chính sách; sự chậm trễ trong việc khắc phục những tồn tại do lịch sử để lại đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của HTXNN.

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, luận văn đã xác định hệ thống các phương hướng phát triển và hoàn thiện HTXNN trên địa bàn huyện, khẳng định nền tảng phát triển của HTXNN là hộ nông dân, xác định vị trí, vai trò, đặc điểm về tổ chức hoạt động và yêu cầu phát triển HTXNN trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của huyện. Đồng thời, xây dựng hệ thống giải pháp có tính đồng bộ, hỗ trợ, tương tác cho nhau; mỗi giải pháp có vị trí và tầm quan trọng riêng. Do vậy, trong quá trình tổ chức thực hiện, tùy theo tình hình thực tế của mỗi loại hình HTXNN và trên từng địa bàn cụ thể trong huyện mà có sự vận dụng phù hợp nhằm củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTXNN.